

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 01 năm 2022

V/v “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Bà Nguyễn Thị Tin;

2, Ông Lương Ngọc Biên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/11/2021 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1958, địa chỉ: Số 943/3, đường Tr, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Ông Tá Quang V, sinh năm 1957, địa chỉ: thôn L, xã Tr, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2021, bản tự khai nguyên đơn là bà Lê Thị Ngọc L trình bày:** Do điều kiện ở xa và tình hình dịch bệnh covid 19 diễn biến phức tạp bà không thể về Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng để giải quyết việc ly hôn với ông Tá Quang V được. Bà đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và sớm đưa vụ án ra xét xử. Bà xin được vắng mặt tại tất cả các phiên hòa giải cũng như phiên tòa của Tòa án.

Bà và ông V lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đăng ký tại UBND xã Tr, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang ngày 24/03/2010. Trước khi kết hôn hai bên có thời gian tìm hiểu từ năm 2007, sau khi kết hôn bà và ông Vĩnh chung sống tại thôn L, xã Tr, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp được, năm 2014 bà tự bỏ về ở tại địa chỉ số 943/3, đường Tr, quận Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định sinh sống, bà và ông V ly thân từ đó đến nay, hai bên chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại, bà không về ở với ông Vĩnh, cuộc sống của ai người đó lo, không liên quan gì về kinh tế cũng như tình cảm. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án huyện Yên Dũng giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Tá Quang V trình bày:** Ông và bà L lấy nhau là tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, hai gia đình không tổ chức theo phong tục tập quán, hai bên có đăng ký kết hôn, đăng ký tại UBND xã Tr, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang ngày 24/03/2010. Sau khi kết hôn ông bà chung sống tại nhà ông địa chỉ thôn L, xã Tr, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc được khoảng một

năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đến khoảng năm 2011, bà Lan bỏ về quê bà L sinh sống tại địa chỉ số 943/3, đường T, quận Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, kinh tế riêng. Nay bà L làm đơn xin ly hôn, ông nhất trí.

Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà L vắng mặt và có đơn xin vắng mặt, các đương sự đề nghị không hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

- Tại phiên tòa hôm nay bà L, ông V vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng phát biểu:

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc L và xử cho bà Lê Thị Ngọc L được ly hôn ông Tá Quang V. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm nhưng bà L là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là bà Lê Thị Ngọc L và bị đơn là ông Tá Quang V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà L, ông V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc L và ông Tá Quang V kết hôn ngày 24/3/2010 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa bà L, ông V là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống bà L bỏ về ở tại địa chỉ số 943/3, đường T, quận Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, kinh tế riêng. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có, các bên không yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà L, ông V đều xác định không có và không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng bà Lê Thị Ngọc L thuộc đối tượng người cao tuổi, do vậy bà Lan được miễn toàn bộ án phí là phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51, 53, 57 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc L được ly hôn ông Tá Quang
V

2.2. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc L được miễn án phí DSST

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng,
- CCTHA dân sự huyện Yên Dũng,
- UBND xã Tr, huyện Yên Dũng,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thanh Hảo